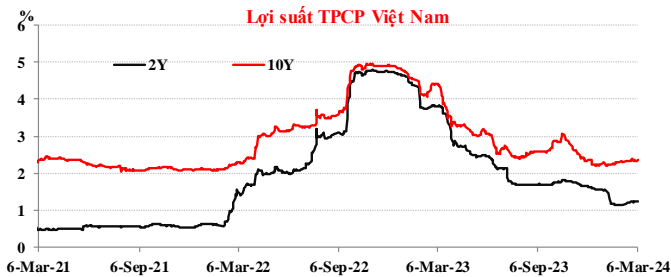


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.50	0.00	5.19	0.00	3Y	1.27	0.000
1W	1.68	-0.01	5.29	-0.01	5Y	1.45	0.000
2W	1.90	0.00	5.36	0.00	7Y	1.84	0.014
1M	2.35	-0.05	5.40	0.00	10Y	2.35	0.015
2M	2.73	-0.01	5.49	0.00	15Y	2.58	0.015
3M	2.92	-0.01	5.57	0.01			
6M	4.27	0.04	5.62	0.00			
9M	4.73	0.05	5.70	0.00			
1Y	5.29	0.03	5.75	0.00			



Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 06/03/2024

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	3,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng					

Thị trường TPCP sơ cấp

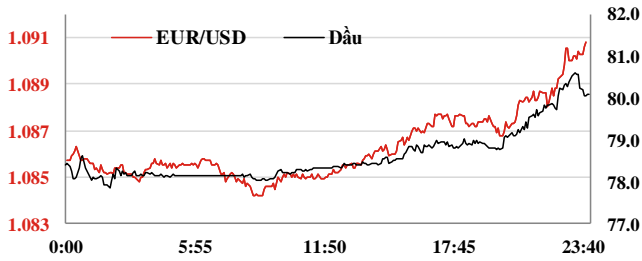
TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	6-Mar-24	5	2000	2000	1.44%	0.02%
MOF	6-Mar-24	10	5250	3500	2.33%	0.02%
MOF	6-Mar-24	15	3750	2500	2.53%	0.02%
MOF	6-Mar-24	30	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			11500	8000		

Chứng khoán ngày 06/03/2024

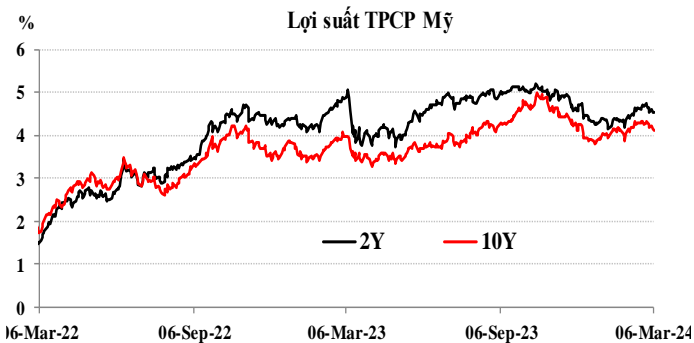
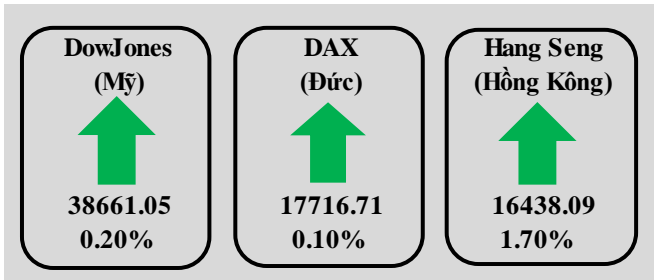
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1262.73	235.45	91.24
%/ngày	-0.57%	-0.80%	-0.59%
%/29/12/2023	11.8%	1.9%	4.8%
KLGD (tr.đ.v)	1062.93	105.90	40.7
GTGD (tỷ đ)	24897.76	2163.61	507.18
NĐINN mua (tỷ đ)	1826.49	55.89	82.61
NĐINN bán (tỷ đ)	2079.45	132.22	5.69

Tin trong nước ngày 06/03

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 06/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.017 VND/USD, tăng tiếp 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.167 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.670 VND/USD, giảm 30 đồng so với phiên 05/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 60 đồng ở chiều mua vào và 50 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.480 VND/USD và 25.620 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 06/03, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi giảm 0,01 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn 1W và 1M với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,50%; 1W 1,68%; 2W 1,90% và 1M 2,35%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W; giao dịch tại: ON 5,19%; 1W 5,29%; 2W 5,36%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn 3Y và 5Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,27%; 5Y 1,45%; 7Y 1,84%; 10Y 2,35%; 15Y 2,58%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 06/03, KBNN huy động thành công 8.000 tỷ đồng/11.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu là 70%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 2.000 tỷ đồng gọi thầu; kỳ hạn 10Y huy động được 3.500 tỷ đồng/5.250 tỷ đồng gọi thầu; kỳ hạn 15Y huy động 2.500 tỷ đồng/3.750 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng, nhưng đấu thầu thất bại. Lãi suất phát hành kỳ hạn 5Y là 1,44% (+0,02 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y 2,33% (+0,02 đpt), 15Y 2,53% (+0,02 đpt).
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên hôm qua khá tiêu cực khi lực bán xuất hiện từ đầu phiên. Chốt phiên, VN-Index giảm 7,25 điểm (-0,57%) về mức 1.262,73 điểm; HNX-Index giảm 1,90 điểm (-0,80%) xuống 235,45 điểm; UPCoM-Index mất 0,54 điểm (-0,59%) còn 91,24 điểm. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt gần 27.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng hơn 252 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, tính từ đầu năm đến ngày 23/02/2024, có 11 doanh nghiệp phát hành TPDN với khối lượng 7,25 nghìn tỷ đồng (gấp 8,2 lần so với cùng kỳ năm 2023),** trong đó, DN BĐS chiếm 52% (3,75 nghìn tỷ đồng) và xây dựng chiếm 24% (1,7 nghìn tỷ đồng); lãi suất phát hành bình quân 10,26%/năm và kỳ hạn phát hành bình quân là 5,5 năm; 52,4% TPDN phát hành có tài sản đảm bảo. Khối lượng mua lại trước hạn là 9,1 nghìn tỷ đồng (giảm 41,2% so với cùng kỳ năm 2023). Cơ cấu nhà đầu tư mua TPDN chủ yếu là tổ chức (trong nước chiếm 80,6%, nước ngoài chiếm 6,2%); nhà đầu tư cá nhân mua 13%.



	6 Mar 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.37	-0.41%	-0.58%	2.01%
USD/CNY	7.20	0.01%	-0.01%	1.40%
USD/EUR	0.92	-0.39%	-0.56%	1.28%
USD/JPY	149.37	-0.45%	-0.86%	5.89%
USD/KRW	1329.03	-0.48%	-0.38%	2.68%
USD/SGD	1.34	-0.28%	-0.53%	1.49%
USD/TWD	31.50	-0.24%	-0.54%	2.65%
USD/THB	35.60	-0.59%	-1.08%	3.64%
USD/VND Trung tâm	24017	0.02%	0.06%	0.63%
USD/VND LNH	24670	-0.12%	0.11%	1.73%
USD/VND tự do	25512	-0.27%	0.56%	3.12%
Vàng	2148.29	0.98%	5.59%	4.15%
Dầu WTI	79.13	1.25%	0.75%	10.44%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/3/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	19/3/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Chủ tịch Fed Jerome Powell có phiên điều trần trước Ủy ban Dịch vụ Tài chính Mỹ.** Trong phiên điều trần này, ông Powell cho rằng lạm phát vẫn cao hơn mức mục tiêu 2,0% của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang FOMC, nhưng đã giảm tốc mà không làm tăng đáng kể tỷ lệ thất nghiệp. Mặc dù vậy, FOMC vẫn chú ý đến rủi ro lạm phát dai dẳng và cho rằng lạm phát cao gây ra khó khăn cho nền kinh tế, đặc biệt là đối với những người có ít khả năng đáp ứng chi phí cao hơn cho nhu cầu thiết yếu. FOMC cam kết mạnh mẽ đưa lạm phát trở lại mục tiêu 2%. FOMC bắt đầu thắt chặt CSTT kể từ đầu năm 2022, đã đạt duy trì LSCS ở mức 5,25% - 5,50% kể từ cuộc họp tháng 07/2023. LSCS có thể đã ở mức cao nhất trong chu kỳ thắt chặt này. Nếu nền kinh tế phát triển như mong đợi, có thể thời điểm thích hợp để giảm dần mức độ thắt chặt sẽ rơi vào năm 2024. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế là không chắc chắn và quá trình hướng đến lạm phát mục tiêu chưa được đảm bảo. Việc giảm mức độ thắt chặt quá sớm hoặc quá nhiều có thể đảo ngược những thành quả trước đây, đòi hỏi CSTT phải quay lại thắt chặt hơn nữa để đạt mục tiêu. Đồng thời, giảm mức độ thắt chặt quá muộn hoặc quá ít sẽ làm suy yếu kinh tế và thị trường lao động. FOMC sẽ đánh giá cẩn trọng dữ liệu để đưa ra những quyết định phù hợp.
- Thị trường lao động Mỹ ghi nhận một số chỉ báo quan trọng.** Đầu tiên, ADP cho biết nước Mỹ tạo ra 140 nghìn việc làm mới trong tháng 2, cao hơn mức 111 nghìn việc làm mới ở tháng 1, gần đạt mức 149 nghìn theo kỳ vọng. Tiếp theo, Bộ Lao động Mỹ cho biết quốc gia này tạo ra 8,86 triệu cơ hội việc làm mới trong tháng 1, thấp hơn một chút so với 8,89 triệu của tháng trước đó, tuy nhiên cao hơn mức 8,80 triệu theo dự báo.
- Kinh tế Úc tiếp tục tăng trưởng trong quý cuối năm 2023.** Văn phòng Thống kê Úc ABS cho biết GDP của nước này tăng 0,2% q/q trong Q4/2023, nối tiếp đà tăng 0,3% của quý trước đó (điều chỉnh tăng từ mức 0,2% theo thống kê sơ bộ), khớp với dự báo. Như vậy, GDP nước Úc tăng khoảng 1,5% trong năm 2023. Tuy nhiên, GDP theo đầu người tại quốc gia này vẫn ghi nhận kết quả giảm 1,0% trong năm vừa qua. Một số chuyên gia cho rằng kinh tế Úc có thể giảm tốc trong năm 2024 khi nhu cầu của quốc tế được dự báo trầm lắng. Bên cạnh đó, NHTW Úc RBA được thị trường kỳ vọng sẽ giảm LSCS trở lại trong nửa cuối năm 2024 khi kinh tế yếu đi và lạm phát về ổn định trong ngưỡng mục tiêu 2,0% - 3,0%.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
06-03	7:30	***	GDP Úc qq Q4/2023	0.2	0.2	0.3
06-03	20:15	***	Thay đổi số việc làm khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T2	140K	149K	111K
06-03	22:00	***	Phiên điều trần Chủ tịch Fed Jerome Powell			
06-03	22:00	***	Số cơ hội việc làm tại Mỹ TI	8.86M	8.80M	8.89M
07-03	20:15	***	LSCS NHTW Châu Âu ECB		4.50	4.50
07-03	20:30	***	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ we		217K	215K
07-03	22:00	***	Chủ tịch Fed Jerome Powell điều trần			

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index giảm, đóng cửa tại 1.262,73 điểm. Thị trường cho thấy sự rung lắc mạnh hơn trong phiên hôm qua, thanh khoản giao dịch cũng ở mức tương đối lớn với 1,06 tỷ cổ phiếu được giao dịch. VN-Index có thể sẽ chứng tỏ đà tăng hoặc điều chỉnh trong một số phiên sắp tới, tìm lại sự cân bằng trước khi tiếp tục đi lên trong trung hạn.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn